

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/HS-ST
Ngày 11-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Văn Trường**

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đậu Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 193/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Văn C (Tên gọi khác: C ke), sinh năm: 1974 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 08-01-2018 của Công an Hện Đ, tỉnh L Đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy;

Bị bắt ngày 07 tháng 5 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

- Bị hại: Anh Ngô Đình Anh H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 72/41 đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và N vụ liên quan:* Anh Ngô Đình Anh L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 72/41 đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 01-4-2018, anh Ngô Đình Anh H kể cho Trần Văn C nghe về việc anh ruột của anh H tên là Ngô Đình Anh L đang bị CSGT Công an Thành phố V tạm giữ 01 xe máy hiệu SH 150i biển số 72C1- 578.99 vì vi phạm trật tự an toàn giao thông. Nghe vậy, C nói với anh H là C có người quen trong Đội CSGT và đề nghị anh H đưa giấy đăng ký xe mô tô trên để C đi làm thủ tục lấy xe về giúp cho. Anh H đồng ý nên sau đó đến gặp C tại số 102 đường H, phường T, TP.V đồng thời đưa cho C 01 CMND, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 72C1-578.99 mang tên Ngô Đình Anh L, một biên bản vi phạm hành chính và 800.000đồng.

Sau khi làm thủ tục đóng phạt và lấy xe mô tô trên cho anh H, do cần tiền tiêu xài nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. C đem chiếc xe trên đến gặp Nguyễn Minh N (sinh năm: 1981, trú tại: 128A đường B, phường M, TP. V) đưa xe cho N mang đi cầm với giá 3.000.000đồng, số tiền này C trả nợ cho N 1.600.000đồng, phần còn lại C cầm đi TP. Hồ Chí Minh và tiêu xài hết rồi bỏ trốn. Tại cơ quan điều tra, Trần Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số: 90/KL – PTCKH ngày 15-5-2018 xác định giá trị còn lại chiếc xe máy nhãn hiệu SH 150I màu đen, biển số: 72C1 – 578.99 là 75.000.000đ.

Sau khi bị chiếm đoạt chiếc xe trên, anh Ngô Đình Anh L đã tìm được N để chuộc lại chiếc xe trên, CQĐT đã thu hồi chiếc xe trên trả lại cho chủ sở hữu. Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng tiền anh bỏ ra để chuộc lại xe.

Đối với Nguyễn Minh N hiện đã đi khỏi nơi địa phương, CQĐT ra thông báo truy tìm để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với H, B là đàn em của N do không rõ lai lịch nên Cơ quan CSĐT tiếp tục thu thập chứng cứ, nhân thân lai lịch và tiến hành làm việc sau.

Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 05-9-2018, Viện Kiểm sát nhân dân Tp. V đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt từ 2 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có mối quan hệ bạn bè và quen biết nên vào khoảng 8 giờ ngày 01-4-2018, anh Ngô Đình Anh H tin tưởng nhờ Trần Văn C đi đóng phạt và nhận lấy lại chiếc xe mô tô hiệu SH 150I biển số : 72C1 – 578.99 trị giá 75.000.000 đồng tại Đội CSGT Công an thành phố V. Sau khi nhận được xe, C không đem về giao cho anh H mà đã đem tài sản này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi bị cáo Trần Văn C đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có nhận thức xã hội, dù biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Bị cáo có một tiền sự, bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không thuộc các trường hợp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, anh Ngô Đình Anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Ngô Đình Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh L số tiền trên. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn C** (Tên gọi khác: C ke) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn C** (Tên gọi khác: C ke) **03 (ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ngô Đình Anh L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Trần Văn C phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và N vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Nga